|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ1.HDHS tìm hiểu từ ngữ địa phương:**  - Y/c hs đọc và xác định y/c bài tập.  H: các từ : bẹ, bắp, ngô, từ nào là từ chỉ dùng trong một địa phương nhất định? Từ nào là ngôn ngữ toàn dân?  H: Em quen với cách gọi là bắp, bẹ hay ngô ?  H: Em hiểu thế nào là từ địa phương. Thế nào là từ toàn dân?  ( Từ địa phương là từ ngữ chỉ sử dụng trong một địa phương nhất định, Từ toàn dân sử dụng rộng rãi trong toàn dân)  - Gv chốt,gọi học sinh đọc ghi nhớ.  + GV: Cho học sinh làm bài tập vận dụng chỉ ra các từ địa phương trong các câu sau; và tìm từ toàn dân tương ứng.  - ( heo- lợn (MN); o- cô ( MT)  - Mần - Làm( MT)  - Nớ- ấy ( MT)  - Bắp- ngô ( Tây bắc)  - vừng (toàn dân); mè (ĐP).  - bầm, u ⇒ mẹ.  - Chuyển ý: | **I. Từ ngữ địa phương:**  1. Bài tập  - Các từ bẹ, bắp → chỉ ngô.  ⇒ Bẹ, bắp ⇒ từ ngữ được dùng ở vùng Tây Bắc → Từ địa phương.  ⇒ ngô: Từ dùng rộng rãi trong toàn dân.  \* Nhận xét:  - Từ địa phương: Từ ngữ sử dụng trong địa phương nhất định.  - Từ toàn dân: Từ ngữ sử dụng phổ biến trong toàn dân.  3. Ghi nhớ (SGK)T57 |
| **HĐ2.HDHS tìm hiểu biệt ngữ xã hội:**  - Đọc vd sgk- tr57, chú ý các từ in đậm.  H: Tại sao trong đoạn văn này có chỗ tác giả dùng “mẹ”, có chỗ tác giả dùng “mợ”?  - Hai từ đồng nghĩa.  H: Trước cách mạng tháng tám ở nước ta tầng lớp xã hội nào gọi mẹ là mợ, gọi cha là cậu ?  H: Các từ: ngỗng, trúng tủ có nghĩa là gì?Tầng lớp nào thường dùng những từ này ?  GV → Vậy: Các từ: mợ, ngỗng, trúng tủ gọi là biệt ngữ xã hội.  H: Em hiểu thế nào là biệt ngữ xã hội?  - HS đọc ghi nhớ (SGK).  H: Tìm thêm một số vd về biệt ngữ ?  - cớm (công an) → xã hội đen.  - Gậy: điểm 1.  - Ghi đông : điểm 3. | **II. Biệt ngữ xã hội:**  1. Bài tập  a. mợ và mẹ: 2 từ đồng nghĩa.  - cậu, mợ: dùng trong tầng lớp trung lưu, thượng lưu → từ ngữ sử dụng trong một tầng lớp nhất định.  - Tầng lớp trung lưu, thượng lưu.  b. ngỗng → điểm 2; trúng tủ → đúng chỗ đã học.  → Từ đc sử dụng trong tầng lớp học sinh hiện nay.  \* Nhận xét:  - Từ ngữ chỉ dùng trong một tầng lớp xã hội nhất định → biệt ngữ xã hội  2. Ghi nhớ (SGKT). |
| **HĐ3.HDHS tìm hiểu cách sử dụng từ địa phương và biệt ngữ xã hội:**  - Đọc 2 vd (SGK- 58).  H: Từ hai vd trên em rút ra điều gì khi sử dụng từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội?  H: Trong đoạn thơ việc tác giả sử dụng từ ngữ địa phương nhằm mục đích gì?  H: Muốn không lạm dụng từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội, ta cần sử dụng nhóm t | **III. Sử dụng từ địa phương và biệt ngữ xã hội:**  1. Bài tập  \* Nhận xét:  - Không nên lạm dụng từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội → gây khó hiểu.  - Trong thơ văn t/g sử dụng từ ngữ địa phương nhằm tô đậm màu sắc địa phương, tầng lớp xã hội ,tính cách nhân vật. |

|  |
| --- |
| ***PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1***  ***Câu 1.****Thế nào là từ ngữ địa phương?*  *A. Là từ ngữ toàn dân đều biết và hiểu*  *B. Là từ ngữ chỉ được dùng duy nhất ở một địa phương*  *C. Là từ ngữ chỉ được dùng ở một (một số) địa phương nhất định*  *D. Là từ ngữ được ít người biết đến*  ***Câu 2.****Cho hai đoạn thơ sau:*  *Sáng ra bờ suối, tối vào hang*  *Cháo****bẹ****rau măng vẫn sẵn sàng*  *(Hồ Chí Minh, Tức cảnh Pác Bó)*  *Khi con tu hú gọi bầy*  *Lúa chiêm đang chín, trái cây ngọt dần*  *Vườn râm dậy tiếng ve ngân*  *Bắp rây vàng hạt, đầy sân nắng đào.*  *(Tố Hữu, Khi con tu hú)*  ***Hai từ “bẹ” và “bắp”*** *có thể được thay thế bằng từ ngữ toàn dân nào khác?*  *A. Ngô B. Khoai C. Sắn D. Lúa mì*  ***Câu 3.****Biệt ngữ xã hội là gì?*  *A. Là từ ngữ chỉ được sử dụng ở một địa phương nhất định*  *B. Là từ ngữ được dùng trong tất cả các tầng lớp nhân dân*  *C. Là từ ngữ được dùng trong một tầng lớp xã hội nhất định*  *D. Là từ ngữ đươc dùng trong nhiều tầng lớp xã hội*  ***Câu 4.****Những mặt khác biệt trong tiếng nói của mỗi địa phương thể hiện ở phương diện nào?*  *A. Ngữ âm B. Ngữ pháp C. Từ vựng D. Cả A và C*  ***Câu 5.****Nhận xét nào không nói lên mục đích của việc sử dụng các từ ngữ địa phương trong tác phẩm văn học?*  *A. Để tô đậm màu sắc địa phương cho câu chuyện*  *B. Để tô đậm màu sắc giai tầng xã hội của ngôn ngữ*  *C. Để tô đậm tính cách nhân vật*  *D. Để thể hiện sự hiểu biết của tác giả về địa phương đó*  ***Câu 6.****Cho đoạn văn sau:*  *“Nhưng đời nào tình thương yêu và lòng kính mến mẹ tôi lại bị những rắp tâm tanh bẩn xâm phạm đến… Mặc dầu non một năm ròng mẹ tôi không gửi cho tôi lấy một lá thư, nhắn người thăm tôi lấy một lời và gửi cho tôi lấy một đồng quà. Tôi cũng cười đáp lại cô tôi: - Không! Cháu không muốn vào. Cuối năm thế nào mợ cháu cũng về.”*  *(Nguyên Hồng, Những ngày thơ ấu)*  *Tại sao trong đoạn văn này, có chỗ tác giả dùng từ mẹ, có chỗ lại dùng từ mợ?*  *A. Mẹ và mợ là hai từ đồng nghĩa*  *B. Vì trước Cách mạng tháng Tám 1945, tầng lớp thị dân tư sản thời Pháp thuộc gọi mẹ là mợ*  *C. Dùng mẹ vì đó là lời kể của tác giả với đối tượng là độc giả, dùng mợ vì đó là lời đáp của chú bé Hồng khi đối thoại với người cô, giữa họ cùng một tầng lớp xã hội.*  *D. Cả A, B, C là đúng.*  ***Câu 7.****Khi sử dụng từ ngữ địa phương hoặc biệt ngữ xã hội, cần chú ý điều gì?*  *A. Không nên quá lạm dụng từ ngữ địa phương, biệt ngữ xã hội.*  *B. Tuỳ hoàn cảnh và đối tượng giao tiếp mà sử dụng từ ngữ địa phương hoặc biệt ngữ xã hội cho phù hợp.*  *C. Không phải từ nào đối tượng giao tiếp cũng có thể hiểu được từ ngữ địa phương hoặc biệt ngữ xã hội.*  *D. Cả A, B, C đều đúng.*  ***Câu 8.****Nhận xét nào không nói lên mục đích của việc sử dụng các từ ngữ địa phương trong tác phẩm văn học?*  *A. Để tô đậm màu sắc địa phương cho câu chuyện*  *B. Để tô đậm màu sắc giai tầng xã hội của ngôn ngữ*  *C. Để tô đậm tính cách nhân vật*  *D. Để thể hiện sự hiểu biết của tác giả về địa phương đó*  ***Câu 9.****Trong bài thơ sau đây, từ cá tràu là loại từ ngữ nào?*  *Canh cá tràu mẹ thường hay nấu khế*  *Khế trong vườn thêm một tý rau thơm*  *Ừ, thế đó mà một đời xa cách mẹ*  *Ba mươi năm trở lại nhà, nước mắt xuống mâm cơm!*  *(Chế Lan Viên)*  *A. Từ ngữ địa phương B. Biệt ngữ xã hội C. Từ ngữ toàn dân D. Cả A, B, C đều đúng*  ***Câu 10.****Từ địa phương tía của Nam Bộ có nghĩa toàn dân là gì?*  *A. Lá tía tô B. Bố C. Màu đỏ D. Quả na*  ***Câu 11.****Các từ in đâm trong đoạn thơ là từ ngữ ở vùng nào là chủ yếu?*  *Đồng chí****mô****nhớ nữa,*  *Kể chuyện Bình – Trị – Thiên*  *Cho****bầy tui****nghe****ví****,*  *Bếp lửa rung rung đôi vai đồng chí*  *- Thưa trong****nớ hiện chừ****vô cùng gian khổ,*  *Đồng bào ta phải kháng chiến ra ri.*  *(Hồng Nguyên)*  *A. Miền Bắc B. Miền Trung C. Miền Nam D. Đây là từ ngữ toàn dân* |

- GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, sau đó chữa đáp án.

**- NV2:** GV phát phiếu học tập cho HS, yêu cầu HS làm việc theo bàn để hoàn thành BT.

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  **Câu 1.** Đọc bài thơ sau đây của nhà thơ Nguyễn Bùi Vợi tặng vợ và cho biết đâu là các từ ngữ địa phương trong bài thơ?  *Cái gầu thì bảo cái đài*  *Ra sân thì bảo ra ngoài cái cươi*  *Chộ tức là thấy em ơi*  *Trụng là nhúng đấy đừng cười nghe em*  *Thích chi thì bảo là sèm*  *Nghe ai bảo đọi thì em bát vào*  *Cá quả gọi là cá tràu*  *Vo trốc là bảo gội đầu đấy em…*  *Nghe em giọng Bắc êm êm*  *Bà con hàng xóm đến xem chật nhà*  *Răng chưa sang nhởi nhà choa*  *Bà o đã nhất con ga trong truồng*  *Em cười bối rối mà thương*  *Thương em một lại trăm đường thương quê*  *Gió lào thổi rạc bờ tre*  *Chỉ nghe giọng nói đã nghe nhọc nhằn*  *Chắt từ đá sỏi đất cằn*  *Nên yêu thương mới sâu đằm đó em*  (Báo văn nghệ, số 28/2006)  **Câu 2.** Tìm một số từ ngữ địa phương nơi em ở hoặc vùng khác mà em biết. Nêu những địa phương tương ứng (nếu có).  **Câu 3.** Tìm một số biệt ngữ xã hội mà em biết, giải thích nghĩa của những từ đó và cho ví dụ.  Mẫu: - Xơi ngỗng: bị điểm 2.  VD: Bài toán vừa kiểm tra, Minh lại xơi thêm một con ngỗng nữa. |

**Gợi ý đáp án:**

**Câu 1.** Các từ ngữ địa phương trong bài thơ: *đài*, *cươi*, *chộ*, *trụng*, *chi*, *sèm*, *đọi*, *cá tràu*, *vo trốc*, *răng*, *nhởi*, *choa*, *o*, *ga*, *truồng*.

**Câu 2.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Từ ngữ địa phương** | **Từ ngữ toàn dân** |
| 1 | Con tru (Trung Bộ) | Con trâu |
| 2 | Trái mận (Nam Bộ) | Quả roi |
| 3 | Mần (Nam Bộ) | Làm |
| 4 | Tía (Nam Bộ) | Cha |
| 5 | Bù lào (Trung Bộ) | Bí đỏ |
| 6 | Cái đài (Trung Bộ) | Cái gầu |
| 7 | Bá (Trung Bộ) | Bác |
| 8 | Chậy (Trung Bộ) | Chị |
| 9 | Màu đủa (Trung Bộ) | Màu đỏ |
| 10 | Ni (Trung Bộ) | Này |

**Câu 3.**– Một số từ ngữ của tầng lớp xã hội khác:

+ Giới chọi gà: chầu (hiệp), chêm (đâm cựa), chiến (đá khoẻ), dốt (nhát),…

+ Học sinh: ngỗng (điểm hai), quay (nhìn, sao chép tài liệu), học gạo ((học nhiều, không còn chú ý đến việc khác).

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ1.HDHS tìm hiểu dặc điểm , công dụng của từ tượng hình và từ tượng thanh**  - HS đọc đoạn trích (SGK- tr 49), chú ý các từ in đâm.  H: Trong những từ trên, những từ nào gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái của sự vật?  H: Những từ nào trong các từ trên mô phỏng âm thanh? | **I. Đặc điểm, công dụng:**  1. Bài tập  \* Nhận xét:  - Các từ : móm mém, xồng xọc, vật vã, rũ rượi, xộc xệch, sòng sọc → gợi tả dáng vẻ, trạng thái của sự vật → từ tượng hình.  - Các từ : hu hu, ư ử → mô phỏng âm thanh → từ tượng thanh. |
| H: Em hiểu từ tượng hình là gì?  Là những từ gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái của sự vật.  H: Em hiểu thế nào là từ tượng thanh?  - Là những từ mô phỏng âm thanh của người hoặc tự nhiên  H: Em hãy so sánh 2 cách sử dụng từ và giá trị biểu cảm của nó trong mỗi cặp sau:  a. Hắn rất cao.  b. Hắn cao lênh khênh.  - Hình ảnh b gợi tả hình ảnh rõ rệt hơn, cụ thể hơn nhờ từ tượng hình.  \*So sánh: a. Chị ta khóc to.  b. Chị ta khóc hu hu.  - Trường hợp b mô phỏng âm thanh cụ thể hơn đó là tiếng khóc to , tức tưởi. → nhờ từ tượng thanh. | 2. Kết luận:  - Từ tượng hình: là những từ gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái của sự vật.  - Từ ngậm thanh là những từ mô phỏng âm thanh của người hoặc tự nhiên. |
| H: Vậy sử dụng từ tượng hình, tượng thanh có tác dụng gì?  ⇒ Chốt: Thế nào là từ tượng thanh, tượng hình? Tác dụng của nó? Em thường gặp 2 loại từ này trong kiểu vb nào?  - GV: Trong văn m/t và tự sự ng ta thường dùng các từ tượng hình và từ tượng thanh → đối tượng m/t thêm cụ thể , sinh động.  - Gọi hs đọc ghi nhớ SGK | - T/d: gợi tả hình ảnh, mô phỏng âm thanh cụ thể, sinh động có giá trị biểu cảm cao  → thường dùng trong văn miêu tả và văn tự sự.  \*Ghi nhớ SG |

Bài tập

1. Đọc đoạn văn sau:

Tôi mải mốt chạy sang. Mấy người hàng xóm đến trước tôi đang **xôn xao** ở trong nhà. Tôi xồng xộc chạy vào. Lão Hạc đang vật vã ở trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long song sọc. Lão tru tréo, bọt mép sùi ra, khắp người chốc chốc lại bị giật mạnh một cái, nảy lên.

1. Trong các nhóm từ sau, nhóm nào đã được sắp xếp hợp lí
2. A. Thong thả, khoan thai, vội vàng, uyển chuyển, róc rách.
3. B. Vi vu, ngọt ngào, lóng lánh, xa xa, phơi phới.
4. **C. Ha hả, hô hố, hơ hớ, hì hì, khúc khích**.
5. D. Thất thểu, lò dò, chồm hổm, chập chững, rón rén.

3. Tôi mải mốt chạy sang. Mấy người hàng xóm đến trước tôi đang xôn xao ở trong nhà. Tôi xồng xộc chạy vào. Lão Hạc đang vật vã ở trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc. Lão tru tréo, bọt mép sùi ra, khắp người chốc chốc lại bị giật mạnh một cái, này lên.

(Lão Hạc, Nam Cao)

Đoạn văn trên có bao nhiều từ tượng hình?

A. 3 từ

B. 4 từ

C. 5 từ

**D. 6 từ**

4/ Cho các câu văn sau (trích từ Tắt đèn của Ngô Tất Tố). Đọc và trả lời các câu hỏi từ 12 -15:

• Thằng Dần vục đầu vừa thổi vừa húp soàn soạt. Chị Dậu rón rén bưng một cái bát lớn đến chỗ chồng nằm.

• Vừa nói hắn vừa bịch luôn vào ngực chị Dậu mấy bịch rồi lại sấn đến để trói anh Dậu.

• Cai lệ tát vào mặt chị một cái đánh bốp, rối hắn cứ nhảy vào cạnh anh Dậu.

• Rồi chị túm lấy cổ hắn, ẩn dúi ra cửa. Sức lẻo khoẻo của anh chàng nghiện không kịp với sức xô đẩy của người đàn bà lực điền, hắn ngã chỏng quèo trên mặt đất, miệng vẫn nham nhảm thét trói vợ chồng kẻ thiếu sưu.

**Câu 12:** Tìm từ tượng hình trong các câu văn trên:

A. rón rén, lẻo khoẻo, chỏng quèo.

B. rón rén, lẻo khoẻo, chỏng quèo, nham nhảm

C. chỏng quèo, rón rén, soàn soạt

D. soàn soạt, bịch, bốp

**Hiển thị đáp án: A**

**Câu 13:** Tìm từ tượng thanh trong các câu văn trên:

A. rón rén, lẻo khoẻo, chỏng quèo.

B. rón rén, lẻo khoẻo, chỏng quèo, nham nhảm

C. chỏng quèo, rón rén, soàn soạt

**D. soàn soạt, bịch, bốp**

Từ “lẻo khoẻo” trong câu “Sức lẻo khoẻo của anh chàng nghiện không kịp với sức xô đẩy của người đàn bà lực điền, hắn ngã chỏng quèo trên mặt đất, miệng vẫn nham nhảm thét trói vợ chồng kẻ thiếu sưu” có nghĩa là gì?

**A. gầy gò, trông ốm yếu, thiếu sức sống**

B. Dáng vẻ xanh xao của người mới ốm dậy

C. Thể trạng của những người bị mắc nghiện

D. Gầy và cao